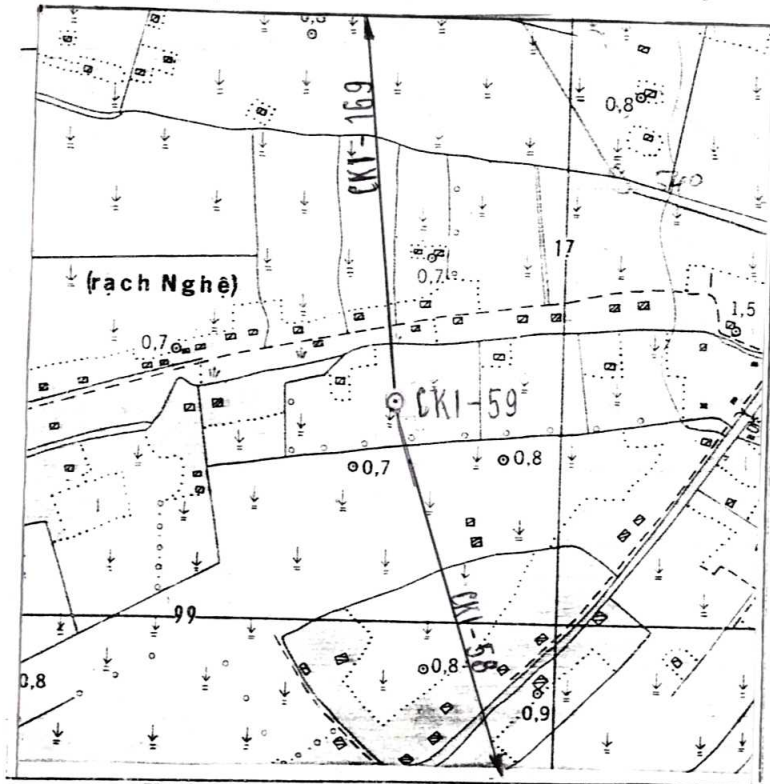


# GHỊ CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Tên điểm: Số hiệu: CKI-59 Mảnh bản đồ: C-48-81-A-a-5  
 Phương pháp đo: Đường chuyên Cấp, hạng: ĐC I  
 Trị giá khái lược: Độ cao: 10m Kinh độ: 106° 03' 5  
 Vĩ độ: 9 56' 2  
 Loại đất: Đất tư Chất đất: đất thịt  
 Nơi đặt mốc: Thôn (bản, làng): Trà Met Xã (thị trấn, phường): Thông Hòa  
 Huyện (Quận): Cầu Kê Tỉnh (Thành phố): Trà Vinh  
 Nơi ở gần nhất: Nhà bà Đặng Thị Nghiêm Khoảng cách tới điểm: 60m km  
 Người chọn: Nguyễn Đức Khỏe Đơn vị chọn: XNTĐ 203 - Công ty đo đạc địa chính và công trình  
 Ngày: 7 tháng 3 năm 2000

Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng



Tỷ lệ: 1/10000

Số liệu đo mốc (mm)

Từ van đo điểm đến:	Lần 1	Lần 2	T.B.	Chiều cao các tầng mốc
Dây hồ				
Trung tâm mốc dưới				
Trung tâm mốc giữa				
Trung tâm mốc trên				
Mặt đất				
Mặt tường vôi hoặc mặt đất sau khi đắp				

Điểm thông hướng:

B (Tên, số hiệu, cấp hạng điểm liên quan mà từ mặt đất điểm trạm đo nhìn thông suốt tới điểm liên quan)

Điểm:

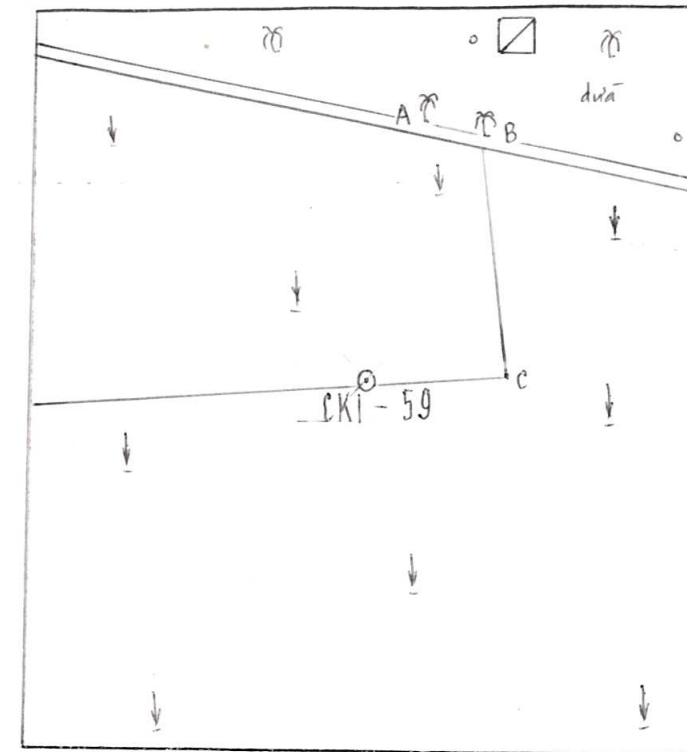
CKI-58  
CKI-169

Họ, tên, địa chỉ người

dẫn đường:

Đặng Thị Nghiêm  
 Ấp: Trà Met  
 Xã: Thông Hòa  
 Huyện: Cầu Kê  
 Tỉnh: Trà Vinh

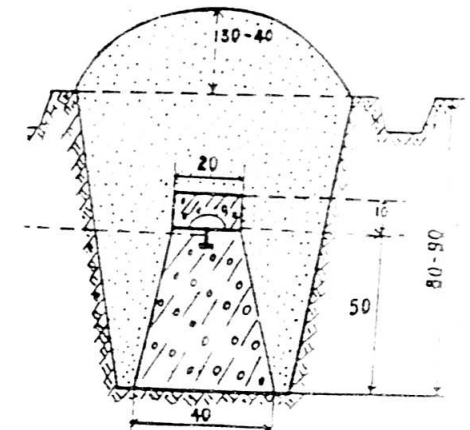
Sơ đồ vị trí điểm



Tỷ lệ: 1/1000

Đơn vị chôn mốc, làm tường vôi: XNTĐ 203 - Công ty đo đạc địa chính và công trình  
 Người chôn mốc, làm tường vôi: Nguyễn Đức Khỏe  
 Loại mốc: Chôn 1 tầng  
 Ngày: 13 tháng 3 năm 2000

Hình vẽ mặt cắt mốc, tường vôi (đơn vị cm)



Vị	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn (m)
A	Góc cây dừa	Bắc Đông Bắc 35.1
B	Góc cây dừa	Bắc Đông Bắc 36.3
C	Góc vuông	Đông 18.1

Điểm này: Tân dụng mốc cũ, gia cố, chôn trùng mốc

Tên điểm: \_\_\_\_\_ Số hiệu: \_\_\_\_\_ Cấp, hạng: \_\_\_\_\_

Điểm này đo nội độ cao bằng: \_\_\_\_\_ Cấp, hạng: \_\_\_\_\_

Đường đi đến điểm (đường ô tô, sắt, thủy, số KM):

Từ bãi xe huyện Cầu Kê theo quốc lộ 54 đi xe bus đến ô tô về hướng Thông Hòa đến ngã ba Trà Met khoảng 9.0 km xuống xe rồi đi bộ theo hướng Tây Nam qua rạch nghé khoảng 1.3 km tới điểm (điểm chôn tại bờ ruộng bà Đặng Thị Nghiêm)

Cơ quan gia cố mốc, tường vôi, lập ghi chú điểm:

Ngày 13 tháng 3 năm 2000

Ngày 13 tháng 5 năm 2000

Người làm ghi chú điểm

Người kiểm tra

Nguyễn Đức Khỏe

Hà Văn Hy



## HƯỚNG DẪN LẬP GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Bản ghi chú điểm tọa độ này sử dụng để làm ghi chú điểm tọa độ Nhà nước cấp 0, hạng I, II, III (cấp 0), IV và địa chính I, II. Sử dụng mực màu đen để điền viết hoặc đánh máy kiểu chữ in nghiêng, chữ, số, nét vẽ phải rõ ràng, cân bằng, đảm bảo khi photocopy được bản rõ nét.

1. Tên điểm: Lấy theo địa danh nơi đặt điểm địa phương thường dùng (ở vùng dân tộc ít người ghi phiên âm trong ngoặc đơn). Các điểm địa chính I, II thường không có tên điểm.

2. Số hiệu, cấp hạng điểm: Theo quy định trong luận chứng kinh tế - kỹ thuật (LCKT - KT) và thực tế thi công.

3. Màn hình bản đồ số: Là phiên hiệu màn hình bản đồ địa hình lưới chiếu Gauss, tỉ lệ 1 : 100 000 đối với điểm cấp 0, hạng I, II, III, IV Nhà nước và tỉ lệ 1 : 50 000 đối với điểm địa chính I, II.

4. Phương pháp đo: Theo quy định trong LCKT - KT, thí dụ: Công nghệ GPS, đường chuyền ... và thực tế thi công.

5. Giá trị khai lược: Lấy theo số liệu trên bản đồ ở mục 3. Độ cao lấy đến mét, kinh, vĩ độ đến 0.1'

6. Loại đất: Đất công này (tư nhân sử dụng), đất dất theo thực tế. Nếu gắn trên vật kiến trúc, trên đá thì ghi rõ gắn trên (tháp nước, nhà mái bằng, nền đá...) - tên riêng, tên chủ nhà.

7. Nơi đặt mốc: Là địa chỉ hiện tại. Nếu làm trên hệ phôi, lòng đường phải ghi tên đường, phố.

8. Nơi gắn nhất: Là tên thôn, bản, làng hoặc nhà ở (nếu điểm đặt ở trong khu dân cư) gần nhất. Khoảng cách tới điểm tính từ nơi ở gần nhất và lấy đến 1 km, 0.1 km hoặc tới chục mét tùy theo điểm ở xa, gần cụ thể.

9. Người chọn, đơn vị chọn: Là tên người, đơn vị hoặc tổ đã chọn điểm.

10. Điểm thông hướng: Theo quy định trong LCKT - KT và theo thực tế thông hướng của điểm.

11. Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng: Cắt và dán bản đồ địa hình hoặc bản photocopy bản đồ địa hình bản II khu vực từ 1 : 100 000 - 1 : 50 000 mỗi cạnh 10 x 10 cm. Lấy vị trí điểm làm trung tâm. Bản đồ địa chính I, II, III, IV Nhà nước vẽ bằng kỹ thuật toàn giác. Các điểm địa chính I, II bằng kỹ thuật toàn giác, đường ảnh vẽ trên là 1 mm và rõ ràng. Số hiệu điểm ghi vào chỗ vuông trên: Độ cao của ảnh sẽ là 1.5 mm. Hướng đến điểm thông hướng và một tên đến vị trí điểm đặt, một điểm ở trong khung hoặc ở bên ngoài khung (nếu điểm ở ngoài khung). Số hiệu điểm thông hướng viết dọc theo chiều mỗi tên, cao 1.5 mm. Sơ đồ hướng: Chỉ vẽ hướng đến các điểm thông hướng.

12. Người dẫn đường: Là người có hồ khẩu thường trú ở địa phương, ghi địa chỉ cụ thể.

13. Số hiệu đo mốc: Chỉ có khi chôn mốc từ hai tầng trở lên hoặc mốc có hai đầu mốc. Số liệu lấy từ số đo mốc. Điểm tọa độ hạng IV Nhà nước, điểm địa chính I, II không có mục này. Các điểm gắn trên vật kiến trúc thường cũng không có mục này.

14. Sơ đồ vị trí điểm, bản đồ, vật chuẩn: Chọn tỷ lệ thích hợp để vẽ được 3 vật chuẩn nam trong khung sơ đồ. Chỉ vẽ các yếu tố chính có liên quan đến tìm điểm. Vật chuẩn phải là các địa vật cố định, ổn định lâu dài ở thực địa. Tên hiệu và số hiệu điểm quy định như ở mục 11 nhưng không rõ ràng, có chấm ở tâm ký hiệu.

15. Người đơn vị chôn mốc, làm tường vây: Mục nào không làm gạch ngang để bỏ.

16. Loại mốc: Mốc chôn 1 hoặc 3 tầng, mốc gắn trên núi đá, nền đá 2 tầng, mốc gắn trên vật kiến trúc 1 hoặc 2 tầng, bề thiên văn (nếu trùng vào bề thiên văn).

17. Hình vẽ mặt cắt: Theo sơ đồ ghi chú điểm cũ (mốc chôn cũ) và theo thực tế chôn mốc, làm tường vây mới.

18. Điểm này: Tán bằng mốc cũ, giá cũ, chôn trùng mốc: Gạch ngang bỏ mục không làm. Nếu chôn mốc mới không gạch bỏ và không điền viết mục này.

19. Bản này đi nội bộ, cao bằng: Công nghệ GPS, đo các hình ảnh, đo các tương giao: Cấp, hạng: Ghi khi đạt từ kỹ thuật hoặc tương đương trở lên. Thí dụ: Kỹ thuật, tương đương hạng IV, hạng IV...

20. Đường đi tới điểm: Chỉ rõ đi từ địa điểm cụ thể nào, bằng phương tiện gì. Nếu đi bộ qua rừng, núi thì phải ghi thời gian đi và phòng chừng quãng đường.

21. Cơ quan gia cố mốc, tường vây, lập ghi chú điểm: Nếu mốc, tường vây làm mới thì không ghi mục này. Nếu làm bổ sung thì gạch ngang để bỏ phần việc không làm tương tự mục 18.

22. Người lập, ghi chú điểm, người kiểm tra: Ghi rõ họ, tên, không in tên.

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

Thông tin

## GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

TÊN ĐIỂM :  
SỐ HIỆU : CKI - 59  
CẤP, HẠNG : ĐC I

NĂM 2000